TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-PT
Ngày: 26-5-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2022/TLPT-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1970; có mặt

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968; có mặt

Cùng nơi cư trú: Tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1964; có mặt

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; có mặt

Cùng nơi cư trú : Tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: Ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị K trình bày:

Vào năm 1991 cha mẹ ông L là cụ Phạm Văn N và cụ Nguyễn Thị N có phần đất khoảng 0,4 ha tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này cha

mẹ chia cho ông L và bà T, chị ruột của ông L mỗi người được cho ½ diện tích. Ông L cày đất và trồng 03 hàng cây điều, khi cây điều có bông thì ông H, chồng bà T sang nói cho mượn đất để làm, ông L đồng ý cho mượn đất, nhưng chỉ cho làm chứ không cho bán đất. Đến năm 2018, ông H, bà T tiến hành bán đất cho người khác thì ông L không đồng ý. Năm 2020, ông H đến yêu cầu ông L chỉ ranh đất để ông H đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất bà T được cha mẹ cho và bà T, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất giáp với đất của ông L, sau đó vợ chồng bà T, ông H đã chuyển nhượng phần đất này cho bà T2. Cùng năm 2018 ông L lấy lại đất và trồng mì đến năm 2020 ông đi đăng ký quyền sử dụng đất thì bà T, ông H ngăn cản tranh chấp không cho ông đăng ký, cản trở không cho tiếp tục sử dụng nên đất để trống đến nay.

Ông bà khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả lại phần đất diện tích 2.036,4m^2, thửa đất số 466, tờ bản đồ số 41; tọa lạc tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh để ông bà được đăng ký quyền sử dụng đất. Vào ngày 10-11-2020 ông L có hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh C đo đạc, phần đất có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Lâm Duy (thửa 648) dài 58.89m; hướng Tây giáp đất bà T2 (thửa 439) dài 57.05m; hướng Nam (thửa 14) dài 36m; hướng Bắc giáp đất bà T (thửa 1) dài 34.50m. Số tiền chi phí đo đạc 1.388.000 đồng ông bà tự nguyện chịu.

Bị đơn ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ruột đúng như ông L, em ruột bà T trình bày. Vào khoảng năm 1986, khi bà T lấy chồng thì đến năm 1988 bên gia đình chồng cho vợ chồng bà 0,6 ha đất gò ngang phần đất cha mẹ ruột của bà là 0,4 ha, cha mẹ có nói cho bà T 0,2 ha và ông L 0,2 ha, nhưng sau đó ông L cho rằng đất xấu nên không sử dụng mà để cho vợ chồng bà T, ông H sử dụng trồng cây mì khoảng gần 30 năm nay thì đất là của vợ chồng bà T, ông H. Khi cha mẹ còn sống ông L không có ý kiến gì, vợ chồng bà vẫn sử dụng đất. Lý do năm 2018-2020 đưa đất lại cho ông L sử dụng trồng mì để lấy tiền xây nhà mát cho phần mộ của cha mẹ, sau đó không cho làm nữa thì xảy ra tranh chấp. Phần đất khoảng gần 0,2 ha cha mẹ cho bà T thì bà đã đăng ký quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho bà T2. Còn phần đất đang tranh chấp thì chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lý do là trước đây ông bà không biết diện tích đất bao nhiêu, khi đăng ký phần đất kế bên đã chuyển nhượng cho bà T2 thì không kê khai đo đạc thực tế, nhưng có đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nhà nước hàng năm. Ông bà không đồng ý việc ông L và bà K yêu cầu trả đất, bà K là em dâu không có quyền tranh chấp đất của cha mẹ bà. Ông bà thống nhất với diện tích đất đo đạc diện tích 2.036,4m^2,

thửa đất số 466, tờ bản đồ số 41; tọa lạc tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị K yêu cầu ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T trả phần đất diện tích 2.036,4m^2 thửa đất số 466, tờ bản đồ số 41; tọa lạc tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09-02-2022, ông H, bà T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông L, bà K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông H và bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông H, bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp diện tích 2.036,4m^2, thuộc thửa đất số 466, tờ bản đồ số 41; tọa lạc tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ Nhiều, cụ Nghiệp là cha mẹ ruột của ông L, bà T tạo lập và tặng cho ông L, bà T mỗi người ½ diện tích, phù hợp với lời khai của các anh chị em ruột của bà T, ông L. Việc tặng cho đất của cụ Nhiều và cụ Nghiệp đối với ông L, bà T không có văn bản, chỉ nói miệng; nhưng được sự thừa nhận của các bên đương sự và tất cả các anh, chị, em khác của ông L, bà T.

[2.1] Ngoài ra, vào năm 2020, khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất mà mình được cha mẹ cho, bà T và ông H cũng chỉ kê khai, đăng ký phần đất của bà T và cũng xác định tứ cận, hướng đông giáp với đất của ông L (là phần đất đang tranh chấp). Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp diện tích 2.036,4m^2, thửa đất số 466, tờ bản đồ số 41; tọa lạc tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh là của ông Phạm Văn L, có nguồn gốc được cha mẹ cho.

[2.2] Mặc dù trên thực tế bà T, ông H có thời gian dài sử dụng phần đất tranh chấp, đến năm 2018 thì giao đất cho ông L, bà K sản xuất. Tuy nhiên, việc ông H, bà T sử dụng đất một thời gian dài không làm thay đổi chủ sở hữu quyền sử dụng đất là ông Phạm Văn L, vì đã có căn cứ ông L được cụ Nhiều, cụ Nghiệp tặng cho quyền sử dụng đất.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị K là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, bà T. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, 160, 161 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị K đối với ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T. Buộc ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T trả lại cho ông L, bà K phần đất diện tích 2.036,4m^2 thuộc thửa đất số 466, tờ bản đồ số 41; tọa lạc tại tổ 9, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp thửa 648 dài 58.89m;

+ Hướng Tây giáp thửa 439 dài 57.05m;

+ Hướng Nam thửa 14 dài 36m;

+ Hướng Bắc giáp thửa 01 dài 34.50m.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T phải chịu 2.100.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh để trả cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị K.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Văn L tự nguyện chịu chi phí đo đạc là 1.388.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm**:** Ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng tại Biên lai thu số 0007836 ngày 04-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0017105 ngày 09-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Sang